

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/9/2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Châu và bà Hàng Ái Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đức - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 166/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1990; Có mặt

HKTT: Thôn Ph 3, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Địa chỉ hiện nay: Thôn X, xã B, huyện Th, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Ông Phan Văn S, sinh năm: 1985; Có yêu cầu xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Ph 3, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2021 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và chồng là Phan Văn S tự nguyện tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn với nhau ngày 24/11/2009 tại UBND xã Bắc Sơn, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận. Vợ chồng có cưới hỏi theo phong tục, sau khi cưới vợ chồng bà chung sống ở Thuận Bắc một thời gian sau đó thì về sống và làm nhà tại thôn Ph 3, xã Ph, huyện N. Bà và ông S chỉ sống với nhau hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xích mích. Nguyên nhân do ông S thường xuyên rượu chè, cờ bạc, đánh vợ con, không lo làm ăn. Vợ chồng thường xảy cãi nhau, có lần đánh nhau nhưng bà không báo chính quyền địa phương. Năm 2018, bà bỏ về nhà mẹ ở Thuận Bắc sống và làm đơn ly hôn ông S nhưng Tòa án đã bác đơn ly hôn. Từ

năm 2018 đến nay bà và ông S không còn chung sống với nhau, các con lúc ở với bà lúc ở với ông S nhưng từ năm 2021 đến nay bà đã đón hết các con về ở với bà. Bà thấy vợ chồng không thể chung sống lại với nhau được, bà cũng không còn tình cảm với chồng nên yêu cầu ly hôn ông S.

Vợ chồng bà có 02 con chung là Phan Nguyễn Hồng Ph – sinh ngày: 20/11/2009 và Phan Nguyễn Hồng G – sinh ngày: 19/6/2011. Hiện nay các cháu đang ở với bà tại nhà của cha mẹ bà tại thôn X, xã B, huyện Th. Bà yêu cầu nuôi 02 con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng nếu ông S tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con là 2.000.000đ/tháng bà cũng đồng ý. Hiện nay bà làm nghề nông và buôn bán nhỏ thu nhập khoảng 5.000.000đ/tháng. Ông S hiện nay làm gì, thu nhập thì bà không rõ. Tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án ông Phan Văn S trình bày: Ông đồng ý với trình bày của bà H về việc vợ chồng tự nguyện kết hôn cũng như về con chung, tài sản và nợ chung. Theo ông, mâu thuẫn xảy ra do bà H không tin tưởng ông khi nghe người khác nói xấu chồng. Ông thừa nhận cũng có chơi cờ bạc nhưng chỉ thỉnh thoảng có tiền làm ra mới chơi 1-2 lần/năm chứ không thường xuyên vì phải đi làm. Việc ăn nhậu, đánh đập vợ có trước khi bà H bỏ về nhà mẹ. Ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, về các con chung ông đồng ý để vợ nuôi và đồng ý cấp dưỡng cho 02 con là 2.000.000đ/tháng. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Ông yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt vì phải đi làm không có thời gian.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Phan Văn S vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật. Do bị đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn S hiện nay đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không sống chung từ năm 2018 đến nay nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và lao động tự túc được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ kết quả xét hỏi công khai và nghe ý kiến phát biểu của nguyên đơn tại phiên tòa.

Sau khi Hội đồng xét xử nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Văn S, yêu cầu nuôi con, bị đơn có nơi cư trú ở huyện Ninh Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Tổng đạt văn bản tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Phan Văn S. Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ các đương sự không có ý kiến gì. Do ông Phan Văn S có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn S tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 24/11/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ông S và bà H đều thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau, ông S có đánh đập vợ con khi còn chung sống, không chăm lo cho vợ con. Thời gian sống ly thân từ năm 2018 và sau khi Tòa án bác đơn ly hôn năm 2019 đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn, không về chung sống với nhau nên bà H tiếp tục nộp đơn ly hôn. Ông S cho rằng còn tình cảm với vợ và không đồng ý ly hôn nhưng bà H xác định không còn tình cảm với ông S nên giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Nội dung xác nhận của BQL thôn nơi ông S, bà H cư trú (BQL thôn Ph 3 và BQL thôn X) thể hiện vợ chồng bà H – ông S đã sống mỗi người một nơi từ năm 2018 đến nay, các con chung hiện nay do bà H trực tiếp nuôi dưỡng (BL: 33, 34).

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà H và ông S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H được ly hôn với ông S.

[2.2] Về con chung: Ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị H đều thống nhất giao các con chung cho bà H trực tiếp nuôi, ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi 02 con chung là Phan

Nguyễn Hồng Ph – sinh ngày: 20/11/2009 và Phan Nguyễn Hồng G – sinh ngày: 19/6/2011. Ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng cho mỗi người con. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và lao động tự túc được.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Phan Văn S.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phan Văn S.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là Phan Nguyễn Hồng Ph – sinh ngày: 20/11/2009 và Phan Nguyễn Hồng G – sinh ngày: 19/6/2011. Ông Phan Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là 1.000.000đ/tháng/con (*Một triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0024707 ngày 22/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải. Bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Ông Phan Văn S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/9/2021); Riêng bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Hải;
- UBND xã Bắc Sơn;
- Lưu (hồ sơ, án văn);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế